TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21/11/2023
"V/v ly hôn, nuôi con,chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Hoằng; bà Lê Thị Huấn

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên *tham gia phiên toà:* Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023; Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng số 07/TB-TA ngày 18/10/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Đặng Quang N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Tường Th, xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

* Bị đơn: Chị Trịnh Thị Bích Ng, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Thôn Tường Th, xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đôn L, phường Yên B, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam (vắng mặt). Người đại diện: Ông Trịnh Văn Ng sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố Đôn L, phường Yên B, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị D sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Tường Th, xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Quang N trình bầy: Anh và chị Ng kết hôn với nhau vào ngày 08/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trác V, huyện Duy T, tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong kinh tế gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng với chị Ng được nữa vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trịnh Thị Bích Ng trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Quang N trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Trác V vào ngày 08/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Tường Th, xã Trác V, vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và kinh tế, anh N là người nhu nhược, không có lập trường, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng không độc lập, tự chủ về kinh tế. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau, mặc dù đã được người thân khuyên can, hoà giải nhưng mâu thuẫn vẫn tồn tại, tình cảm không được cải thiện. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh N.

* Về con chung: Anh Đặng Quang N và chị Trịnh Thị Bích Ng cùng trình bày vợ chồng có một con chung là Đặng Bảo Tr sinh ngày 23/8/2018, kể từ khi ly thân con chung do chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh N xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng xin được nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung, công sức, công nợ:

Bị đơn chị Trịnh Thị Bích Ng: yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng chị tổng cộng 75.600.000đ gồm:

Khoản tiền 10.000.000đ là số tiền còn lại sau 4 tháng anh N giữ thẻ ATM của chị.

Khoản tiền 20.000.000đ đóng tiền học sinh, sinh viên

Khoản tiền 25.000.000đ mua xe máy

Khoản tiền 17.000.000đ mua tivi

Khoản tiền 3.600.000đ là tiền bà con, cô bác cho con của chị, hiện do mẹ chồng chị là bà Phạm Thị D đang giữ.

Quan điểm của anh Đặng Quang N: thừa nhận sau khi kết hôn vào cuối năm 2017 vợ chồng có mua 01 xe Wave RSX biển kiểm soát 90B2-612.62, mua xe mới với số tiền 25.000.000đ, đăng ký đứng tên anh là Đặng Quang N; vào khoảng năm 2018 vợ chồng anh có mua mới 01 tivi SONY 49inch với giá 17.000.000đ; những tài sản này hiện anh đang quản lý sử dụng đề nghị Toà án giải quyết theo quy định. Đối với các yêu cầu khác của chị Ng thì anh không thừa nhận.

Quan điểm của bà Phạm Thị D trình bày bà là mẹ đẻ của anh Đặng Quang N, việc chị Trịnh Thị Bích Ng cho rằng bà đang quản lý số tiền 3.600.000đ (là tiền bà con, cô bác thăm con của chị Ng) là không đúng.

Tại phiên tòa: Anh N trình bày hiện đang làm tại công ty Fitex khu công nghiệp Hoà Mạc thu nhập bình quân 10 triệu đồng một tháng, ngoài ra các đương sự có mặt giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng và đề nghị xử ly hôn giữa anh Đặng Quang N và chị Trịnh Thị Bích Ng. Về con chung: giao chị Ng trực tiếp nuôi con chung Đặng Bảo Tr; anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định; về tài sản chung, công sức, công nợ: Giao anh N được quản lý, sử dụng: 01 xe mô tô 90B2-612.62; 01 tivi SONY 49inch. Buộc anh N phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Trịnh Thị Bích Ng số tiền: 7.250.000đ. Bác các yêu cầu khác của các đương sự và tuyên án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà vắng mặt chị Trịnh Thị Bích Ng và người đại diện tuy nhiên đây là lần thứ hai người đại diện cho chị Ng vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ng và người đại diện tại phiên toà.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Trịnh Văn Ng sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố Đôn L, phường Yên B, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam có đơn trình bày nội dung: con gái ông là Trịnh Thị Bích Ng bị thần kinh lúc nhớ lúc quên vì thế không thể ra Toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ng trong vụ án. Sau khi nhận được đơn của ông Ng, Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên đã ra Thông báo hướng dẫn, ấn định thời hạn để ông Ng làm các thủ tục tuyên bố chị Trịnh Thị Bích Ng mất năng lực hành vi dân sự và tống đạt trực tiếp cho ông Ng tuy nhiên hết thời hạn được thông báo nhưng ông Ng không làm bất cứ thủ tục gì, Toà án đã Quyết định chỉ định ông Trịnh Văn Ng làm người đại diện cho chị Ng tham gia giải quyết vụ án này đảm bảo quyền lợi cho chị Ng theo yêu cầu của ông Ng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Quang N và chị Trịnh Thị Bích Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân xã Trác V, huyện Duy T, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2017 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận, về nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản do vợ chồng không

hợp, bất đồng về kinh tế dẫn đến vợ chồng không thông cảm, chia sẻ, tình cảm dần lạnh nhạt, vợ chồng ly thân một số lần, lần gần đây từ tháng 11/2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng chị Ng không đến nên không hoà giải được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, nay đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài vì vậy cần xử ly hôn giữa anh N và chị Ng là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đặng Bảo Tr sinh ngày 23/8/2018. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của các đương sự, nhận thấy kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, bên cạnh đó con chung là con gái nên cần hơn sự chăm sóc của người mẹ để phát triển hoàn thiện về tâm sinh lý vì thế để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao chị Ng tiếp tục trực tiếp nuôi con chung; anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Xét yêu cầu của chị Ng, căn cứ lời thừa nhận của anh Đặng Quang N, quan điểm của bà Phạm Thị D, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có cơ sở khẳng định: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh N, chị Ng tạo lập được tài sản chung gồm: 01 xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 90B2-612.62 theo kết quả định giá trị giá: 11.000.000đ; 01 tivi SONY 49inch theo kết quả định giá trị giá: 3.500.000đ; tổng cộng: 14.500.000đ. Nhận thấy những tài sản này anh N đang quản lý sử dụng vì thế cần giao những tài sản này cho anh N được tiếp tục sử dụng, anh N phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Ng ½ giá trị tài sản chung tương đương số tiền: 7.250.000đ.

Đối với các yêu cầu khác của chị Trịnh Thị Bích Ng đưa ra nhưng không có tài liệu chứng cứ gì nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: thực chi hết 2.400.000đ, số tiền này anh N đã nộp tạm ứng vì thế chị Ng phải thanh toán trả cho anh N số tiền: 1.200.000đ.

Án phí ly hôn: anh N phải chịu số tiền 300.000đ. Án phí chia tài sản: Anh N, chị Ng mỗi người phải chịu số tiền: 362.500đ; án phí cấp dưỡng nuôi con; Anh N phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn anh N đã nộp: 300.000đ được đối trừ khi thi hành án. Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị Ng đã nộp: 1.800.000đ được đối trừ khi thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 88; 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51; 56, 58, 81, 82, 83; 107; 110; 116; 117 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa anh Đặng Quang N và chị Trịnh Thị Bích Ng.

2. Về con chung: Giao chị Trịnh Thị Bích Ng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Bảo Tr sinh ngày 23/8/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

Anh N, chị Ng được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị Ng và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho anh Đặng Quang N được quản lý, sử dụng: 01 xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 90B2-612.62 trị giá: 11.000.000đ; 01 tivi SONY 49inch trị giá: 3.500.000đ; tổng cộng: 14.500.000đ.

3.2. Buộc anh Đặng Quang N phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Trịnh Thị Bích Ng số tiền: 7.250.000đ (Bẩy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

5. Án phí và chi phí tố tụng:

5.1. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Buộc chị Ng phải thanh toán trả cho anh N số tiền: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

5.2. Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: anh Đặng Quang N phải chịu 300.000đ. Án phí chia tài sản: anh Đặng Quang N, chị Trịnh Thị Bích Ng mỗi người phải chịu số tiền: 362.500đ; Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Đặng Quang N phải chịu: 300.000đ.

Số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ anh N đã nộp theo biên lai số 930 ngày 21/12/2022 được đối trừ khi thi hành án. Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 1.800.000đ chị Ng đã nộp theo biên lai số 1944 ngày 27/4/2023 được đối trừ khi thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Án xử công khai sơ thẩm; anh Đặng Quang N, bà Phạm Thị D có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị Bích Ng và người đại diện vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND Duy Tiên.*
- *Chi cục THADS Duy Tiên.*
- *UBND Trác Văn;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 14 tháng 01 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thuận.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoằng; bà Đỗ Thị Liên

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 102/2021/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị Ánh Nguyệt, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Lạt Hà, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thùy, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Lạt Hà, xã Trác Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị Ánh Nguyệt và anh Nguyễn Văn Thùy.

2. Về con chung: Giao chị Thái Thị Ánh Nguyệt trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Khánh An sinh ngày 13/01/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Nguyễn Văn Thùy không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Thái Thị Ánh Nguyệt, anh Nguyễn Văn Thùy được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị Nguyệt và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Thùy trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thái Thị Ánh Nguyệt, anh Nguyễn Văn Thùy mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Nguyệt đã nộp theo biên lai số 0000721 ngày 14/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án. Trả lại chị Thái Thị Ánh Nguyệt 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm; Chị Thái Thị Ánh Nguyệt, anh Nguyễn Văn Thùy được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.